

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 31-5-2024  
V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Dung
- Bà Bùi Thị Nhân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công kba vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXX-ST ngày 23/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lưu Thị Kim T; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt;

**Bị đơn:** Nguyễn Văn H; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong Đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Lưu Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn với nhau do tự nguyện, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Phong, huyện An Dương năm 2009. Quá trình chung sống đôi bên xảy ra mâu Tẫn kéo dài nhiều năm do tính tình không hòa hợp, anh Hải chửi bới, xúc phạm chị. Mâu Tẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có ba chung là Nguyễn Mạnh Q sinh năm 2009, Nguyễn Quốc V sinh năm 2012 và Nguyễn Việt A sinh năm 2013. Chị T có nguyện vọng nuôi các con; không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình ; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H; về con chung, giao con Nguyễn Mạnh Q, Nguyễn Quốc V và Nguyễn Việt A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh H được Ủy ban nhân dân xã Hồng Phong, huyện An Dương cấp chứng nhận kết hôn số 38 ngày 16/3/2009 nên hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có ba con như chị T trình bày ở trên là đúng. Anh H không có nguyện vọng gì về việc nuôi con chung. Việc chị T nhận trách nhiệm nuôi các con là bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của các con cũng như nguyện vọng được ở với mẹ của các con nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 147 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao con Nguyễn Mạnh Q sinh ngày 03/6/2009, Nguyễn Quốc V sinh ngày 02/4/2012 và Nguyễn Việt A sinh ngày 07/11/2013 cho chị Lưu Thị Kim T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh Hải không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T, anh Hải không yêu cầu giải quyết nên không xét

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lưu Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại biên lai T tiền số 8372 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Chị T đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- UBND xã Hồng Phong, huyện An Dương (ĐKKH số 38 ngày 16/3/2009);
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Văn Dũng**

